

Số: 263 /BC-UBND

Hưng Yên, ngày 04 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2018;
kết quả 3 năm thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần
thứ XVIII và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2018

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 số 14-NQ/TU ngày 29/11/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, Nghị quyết số 118/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 03/CTr-UBND ngày 12/01/2018 và Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 27/4/2018 về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, với bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có những thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn thách thức, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp và diễn biến khó lường. Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, cân đối ngân sách gặp nhiều khó khăn... Song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền; sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh đã đạt được khá toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

I. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Ngay từ những ngày đầu năm 2018 tỉnh đã tích cực triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, dự báo có những điều kiện tăng trưởng tốt của nền kinh tế: Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và hoạt động dịch vụ tiếp tục đà tăng trưởng; các chỉ số tài chính, tiền tệ, đầu tư phát triển có mức tăng khá. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng **kịch bản tăng trưởng phấn đấu cả năm tăng 9%** (kế hoạch HĐND tỉnh giao tăng 8,2%), đồng thời giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể và thời gian thực hiện cho từng sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước đã đề ra, kết quả ước đạt được như sau:

Tổng sản phẩm (GRDP) tăng 9,64% (KH tăng 8,2%; thực hiện năm 2017 tăng 8,45%). Tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) đạt 55,3 triệu đồng (KH 54 triệu đồng); cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 51,56% - nông nghiệp, thủy sản 10,58% - dịch vụ 37,86% (KH 51,53% - 10,35% - 38,12%) (năm 2017: 51,02% - 10,89% - 38,09%); tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 31.547

tỷ đồng, tăng 11,08% so với năm 2017; tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ 31.010 tỷ đồng, đạt 106,93% kế hoạch, tăng 11,62% so với năm 2017; kim ngạch xuất khẩu 4.250 triệu USD, đạt 101,19% kế hoạch, tăng 15,49% so với năm 2017. Tổng thu ngân sách 12.840 tỷ đồng, đạt 106,96% dự toán, trong đó: Thu nội địa 9.400 tỷ đồng, đạt 109,7% dự toán; thu thuế xuất, nhập khẩu 3.440 tỷ đồng, đạt 100% dự toán. Chi ngân sách 9.623 tỷ đồng, đạt 106,21% kế hoạch, tăng 14,6%.

Năm 2018, huyện Mỹ Hào đạt chuẩn nông thôn mới của năm 2017 và đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Văn Giang đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Hưng Yên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có thêm 25 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 112 xã, đạt 77,24% kế hoạch, bình quân toàn tỉnh đạt 18,4 tiêu chí/xã (KH 18,1 tiêu chí/xã), tăng 0,7 tiêu chí/xã. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở nông thôn đạt 75% (KH 75%), tăng 10%, ở thành thị đạt 75% (KH 75%), tăng 4,8%. Tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 34,2% (KH 32,5%), tăng 6,32%. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng các hoạt động y tế, giáo dục và đào tạo. Có thêm 37 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 337 trường, bằng 60,2% tổng số trường của cả tỉnh. Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%; tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 99%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,5% (KH 86,5%); tạo thêm việc làm mới cho 2,39 vạn lao động, đạt 106,2% KH; tỷ lệ lao động qua đào tạo 60%; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,75% (KH 2,8%); tỷ lệ làng, khu phố văn hoá 88% (KH 88%); tỷ lệ gia đình văn hoá 91% (KH 91%).

II. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, chú trọng gắn kết sản xuất nông nghiệp với đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Trong năm, tỉnh đã tổ chức trên 110 lớp tập huấn ứng dụng khoa học kỹ thuật với hơn 4.800 người tham gia. Chuyển giao 51 mô hình sản xuất tiên tiến cho nông dân, bao gồm: 08 mô hình chăn nuôi, 03 mô hình thủy sản và 40 mô hình trồng trọt. Đến nay, các mô hình đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà từ 10 - 20%. Các hoạt động xúc tiến thương mại cho hàng nông sản được triển khai quyết liệt, hiệu quả. Công tác quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm được quan tâm. Đã thực hiện 37 mô hình rau, quả, thịt cá an toàn trên địa bàn các huyện, thành phố. Tổ chức 14 lớp tập huấn, phổ biến quy trình kỹ thuật về chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản cho 820 lượt người là đại diện cho các hộ chế biến, thu mua nông, lâm, thủy sản.

Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản ước 12.223 tỷ đồng, đạt 100,97% kế hoạch, tăng 3,5% so với năm 2017. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 92.523 ha, giảm 5,4%; diện tích trồng lúa 66.399 ha, giảm 5,65%, trong đó: Lúa chất lượng cao chiếm 64,8% diện tích gieo cấy; năng suất lúa bình quân 62,56 tạ/ha, tăng 5,18%; sản lượng lúa ước 415.420 tấn, đạt 98,06% kế hoạch, giảm 0,76%. Trong năm toàn tỉnh chuyển đổi 2.600 ha diện tích lúa hiệu quả thấp sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu, cây hàng năm và kết hợp nuôi trồng thủy sản, nâng tổng diện tích đất lúa đã chuyển đổi lên 11.700 ha. Hiệu quả sử dụng đất sau

khi chuyển đổi tăng lên rõ rệt, giá trị thu nhập bình quân 01 ha đất canh tác đạt 192 triệu đồng, tăng 18,5 triệu đồng so với năm 2017, trong đó: Nhiều mô hình cho thu nhập từ 300-350 triệu đồng/ha; cá biệt cho thu nhập từ 600 - 700 triệu đồng/ha. Công tác phòng, trừ sâu, bệnh gây hại trên cây trồng được triển khai kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra. Ước tính sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Các loại cây có múi tăng 8,72%; cây chuối tăng 8,35%. Sản lượng vải tăng 33,81%, giá vải tương đối ổn định, trung bình khoảng 18 đến 20 nghìn đồng/kg; sản lượng nhãn tăng 35,06%, giá nhãn ổn định ở mức từ 22 đến 25 nghìn đồng/kg, giá cam ở mức từ 30 đến 35 nghìn đồng/kg.

Chăn nuôi từng bước ổn định, giá thịt lợn tăng trở lại tạo động lực để người chăn nuôi duy trì và tái phát triển đàn. Đến nay, đàn lợn tăng 1,05%; đàn gia cầm tăng 3,2%; đàn bò tăng 2,02%; đàn trâu tăng 2,66%. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 2,5%. Chất lượng, cơ cấu con giống tiếp tục được nâng cao; đến nay, tỷ lệ đàn bò lai 3 máu chiếm trên 38%; tỷ lệ nạc hóa đàn lợn chiếm trên 80%; tỷ lệ gà Đông Tảo, Đông Tảo lai chiếm 20%; tỷ lệ chăn nuôi an toàn sinh học chiếm 35%. Công tác kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi được triển khai hiệu quả. Đến nay, trên địa bàn tỉnh không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Các hoạt động nuôi trồng thủy sản được duy trì ổn định, công nghệ nuôi cá trong ao nước tĩnh, cá lồng trên sông Hồng được đẩy mạnh, góp phần tăng năng suất, chất lượng. Diện tích nuôi thủy sản 5.675 ha, tăng 0,44% so với năm 2017; sản lượng thủy sản đạt 41.480 tấn, tăng 5,42%; giá trị sản xuất thủy sản đạt 1.203,8 tỷ đồng, tăng 5,74%.

Công tác thủy lợi được triển khai đồng bộ, đảm bảo cơ bản đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất. Công tác quản lý đê điều và phòng chống lụt bão được thực hiện nghiêm túc. Các ngành nghề truyền thống và dịch vụ ở nông thôn phát triển khá. Năm 2018, huy động khoảng 850 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư địa phương và vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới; góp phần đầu tư hoàn thành 35 công trình trường lớp học, cải tạo, nâng cấp trên 70 km đường giao thông nông thôn, xây dựng các công trình nhà văn hóa thôn, xã. Đã khởi công và tích cực thi công 15/24 km đê sông Luộc, phấn đấu hết năm 2018 đạt 30% kế hoạch.

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng

Hạ tầng các khu công nghiệp được đẩy nhanh tiến độ đầu tư, dự kiến năm 2018 có thêm khoảng 150 ha đất khu công nghiệp được san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Hiện nay khu công nghiệp Yên Mỹ II đã đi vào hoạt động; khu công nghiệp Minh Đức đang xây dựng hạ tầng, dự kiến đi vào hoạt động vào cuối năm 2018, nâng tổng số các khu công nghiệp đi vào hoạt động lên 05 khu công nghiệp, với tổng diện tích 1.356 ha, đạt 54,64% tổng diện tích quy hoạch. Các hoạt động thu hút đầu tư trong khu công nghiệp được quan tâm. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao và ứng dụng công nghệ, máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất được đẩy mạnh; nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tiếp tục mở rộng dây chuyền sản xuất như: Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam, Nhà máy Bông sen (Cty TNHH Nestlé Việt Nam)... Một số doanh nghiệp lớn đi vào

hoạt động như: Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên; Công ty TNHH Tôn Hòa Phát, TOTO, kết quả:

Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng đạt 129.958 tỷ đồng, tăng 11,16% so với cùng kỳ; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp 119.853 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch, tăng 10,93% so với năm 2017 (KH 9%). Một số sản phẩm tăng trưởng khá như: Thép cán các loại tăng 9,58%; tủ lạnh, tủ đá các loại tăng 17,54%; máy giặt tăng 12,14%; bao bì bằng chất dẻo tăng 12,21%; quần áo may sẵn 13,93%. Tình hình cung ứng điện tương đối ổn định, sản lượng điện thương phẩm năm 2018 ước đạt khoảng 3,99 tỷ kWh, tăng 14,5% so với cùng kỳ.

Hoạt động thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp gặp nhiều khó khăn. Cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng được đầu tư hoàn chỉnh về kết cấu hạ tầng, đang kêu gọi nhà đầu tư thứ cấp. Tiêu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục phát triển. Đến nay toàn tỉnh có 51 làng nghề, trong đó có 38 làng nghề được công nhận, một số làng nghề phát triển hiệu quả như: Làng nghề Hoa, cây cảnh Xuân Quan, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang; làng nghề truyền thống Đúc đồng Lộng Thượng, xã Đại Đồng huyện Văn Lâm; làng nghề mộc Phúc Miếu, Thuận Mỹ, xã Hòa Phong huyện Mỹ Hào...

Công tác quản lý quy hoạch kiến trúc được tăng cường. Tiếp tục hoàn thiện nhiều quy hoạch lớn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục kinh tế Bắc - Nam; Quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đến năm 2035; Quy hoạch vùng huyện Yên Mỹ đến năm 2028, tầm nhìn đến năm 2035; phê duyệt 18 đồ án, 16 nhiệm vụ quy hoạch, chấp thuận mặt bằng quy hoạch tổng thể 156 dự án. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư cho 10 dự án với tổng diện tích đất quy hoạch 505,2 ha. Các hoạt động quản lý chất lượng công trình xây dựng được quan tâm. Công tác kiểm tra, sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được đẩy mạnh. Đã cấp chứng chỉ hành nghề cho 146 cá nhân, cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho 19 tổ chức. Hoàn thành Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở với tổng số 3.374 hộ, trong đó xây mới 802 hộ, sửa chữa 2.572 hộ. Đã hoàn thành Chương trình hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo: Xây mới và sửa chữa cho 1.047 hộ, đạt 100% kế hoạch giao, trong đó: Xây mới 422/422 hộ, sửa chữa 625/625 hộ (hoàn thành trước 02 năm so với kế hoạch đề ra tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ dự kiến năm 2020 sẽ hoàn thành).

3. Thương mại và dịch vụ

Thương mại và dịch vụ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất ước đạt 26.454 tỷ đồng, tăng 8,19% (KH tăng 9%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ 31.010 tỷ đồng, đạt 106,93% kế hoạch, tăng 11,62%. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng khá, kim ngạch xuất khẩu ước 4.250 triệu USD, đạt 101,19% kế hoạch, tăng 15,49%. Kim ngạch nhập khẩu ước 4.650 triệu USD, tăng 4,19%. Năm 2018, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 4,5% (năm 2017 tăng 3,72%). Các hoạt động xúc tiến thương mại được triển khai quyết liệt hiệu quả, nhất là xúc tiến thương mại cho hàng nông sản như: Hội chợ xuân Mậu Tuất năm 2018; Hội nghị “Đổi mới ngành may mặc Việt Nam và cơ hội mở rộng thị trường tại Pháp và Châu Âu”; Hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn năm 2018; Hội nghị xúc tiến

tiêu thụ nhân - Lễ hội Nhãn lồng Hưng Yên năm 2018; sự kiện Tuần lễ Nhãn lồng Hưng Yên năm 2018 tại Hà Nội; Hội chợ hàng công nghiệp nông thôn và nông sản vùng đồng bằng sông Hồng - Lễ hội Cam Hưng Yên năm 2018 đã giúp nâng cao giá trị nhãn, cam Hưng Yên, khắc phục tình trạng “được mùa mất giá”. Công tác quản lý thị trường được triển khai hiệu quả. Đến hết tháng 9/2018, đã tổ chức kiểm tra 1.629 vụ, xử lý trên 376 vụ, tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước 4.530 triệu đồng.

4. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Năm 2018, tập trung chỉ đạo triển khai Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 14/6/2018 về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên năm 2018; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 09/7/2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 trên địa bàn tỉnh. Đã tổ chức 05 hội nghị gặp mặt doanh nghiệp (Hội nghị Lãnh đạo tỉnh gặp mặt doanh nghiệp nhân dịp đầu xuân năm 2018 ngày 24/3/2018; Hội nghị Lãnh đạo tỉnh gặp mặt Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2018 ngày 23/5/2018; Hội nghị tuyên dương người nộp thuế tiêu biểu năm 2017 và đối thoại doanh nghiệp năm 2018 chuyên đề thuế và hải quan ngày 7/7/2018; Hội nghị lãnh đạo tỉnh gặp mặt doanh nghiệp và kỷ niệm ngày doanh nhân Việt Nam ngày 13/10/2018; Đối thoại với các nhà đầu tư trong khu công nghiệp Thăng Long II ngày 26/10/2017) để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp v.v.

Năm 2018, tập trung rà soát, thu hút dự án đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; đối với ngoài khu, cụm chỉ xem xét các dự án đầu tư vào các khu đất xen kẹt, dự án có hàm lượng công nghệ cao, dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sạch... Kết quả năm 2018, thu hút 157 dự án mới, trong đó có 129 dự án đầu tư trong nước; 28 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 10.421 tỷ đồng và 387 triệu USD (tương đương 447,25 triệu USD), giảm 58,9%. Đưa tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 1.836 dự án (1.414 dự án đầu tư trong nước, 422 dự án đầu tư nước ngoài), tổng vốn đăng ký ước 124.892 tỷ đồng và 4.345 triệu USD (tương đương 9,7 tỷ USD). Có thêm 59 dự án đi vào hoạt động. Tạo việc làm mới cho trên 1,13 vạn lao động, đưa tổng số dự án trên địa bàn tỉnh đi vào hoạt động 1.019 dự án. Bên cạnh việc đẩy mạnh thu hút đầu tư, tăng cường rà soát, đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư; trong năm đã quyết định thu hồi 15 dự án, đang hoàn thiện thủ tục thu hồi 14 dự án chậm tiến độ.

Hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp được triển khai hiệu quả. Năm 2018, có thêm 1.200 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 13.250 tỷ đồng và 390 đơn vị trực thuộc đăng ký thành lập mới, giảm 8,6% về số doanh nghiệp và tăng 58,5% về số doanh nghiệp trực thuộc so cùng kỳ (do Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ cho phép doanh nghiệp được thành lập địa điểm kinh doanh ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính; tỉnh tập trung thu hút các dự án đầu tư vào khu, cụm công nghiệp, không tiếp nhận các dự án rời lẻ... nên số lượng dự án mới đăng ký giảm so với năm 2017); có 150 doanh nghiệp trở lại hoạt động; 83 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 9.810 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký ước đạt 98.590 tỷ đồng;

trong đó, khoảng 77% doanh nghiệp đang hoạt động, 8% doanh nghiệp đăng ký ngừng hoạt động có thời hạn, 15% doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng chưa đóng mã số thuế.

Kinh tế hợp tác phát triển, đa dạng về hình thức và quy mô. Năm 2018, có 38 hợp tác xã được thành lập mới, 02 hợp tác xã giải thể; đến nay toàn tỉnh có 346 hợp tác xã; 100% số hợp tác xã đã được chuyển đổi theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Doanh thu bình quân của 01 hợp tác xã đạt 1.200 triệu đồng/năm, tương đương năm 2017. Lãi bình quân của hợp tác xã đạt 128 triệu đồng/năm, tăng 8,47%.

Công tác sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp được triển khai hiệu quả. Đang triển khai thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hưng Yên và cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hưng Yên và Trung tâm Tư vấn Giao thông vận tải Hưng Yên đã cổ phần xong.

5. Hoạt động tài chính, tiền tệ

Công tác thu ngân sách gặp nhiều khó khăn; thu của một số doanh nghiệp lớn khu vực ngoài quốc doanh giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác quản lý và thu hồi nợ đọng thuế, cụ thể: Đã ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 về việc phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 11/5/2018 về tăng cường công tác quản lý nợ thuế, thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; thành lập Ban Chỉ đạo chống thất thu và đôn đốc thu nộp ngân sách nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018; tích cực triển khai Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 31/8/2018 của Ban Chỉ đạo chống thất thu và đôn đốc thu nộp ngân sách nhà nước về việc thực hiện các nhiệm vụ giải pháp chống thất thu và đôn đốc thu nộp ngân sách nhà nước năm 2018. Thành lập 03 đoàn thanh, kiểm tra liên ngành để thực hiện đôn đốc kiểm tra và thanh tra nộp thuế của 107 doanh nghiệp.

Kết quả tổng thu ngân sách năm 2018 ước 12.840 tỷ đồng, đạt 106,96% kế hoạch, tăng 6,87% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu thuế xuất nhập khẩu ước 3.440 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 1,9%; thu nội địa ước 9.400 tỷ đồng, đạt 109,7% kế hoạch, tăng 8,8% so với cùng kỳ, nếu không tính tiền thu sử dụng đất, thu nội địa ước đạt 7.565 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, 12/14 khoản thu hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng so với cùng kỳ. Riêng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là nguồn thu lớn không đạt kế hoạch và chỉ bằng cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách nhà nước được bảo đảm, kịp thời, kiểm soát chặt chẽ và đúng quy định. Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn ước 9.623 tỷ đồng, đạt 100,1% kế hoạch, trong đó: Chi đầu tư phát triển 3.121 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch; chi thường xuyên 6.215 tỷ đồng, đạt 102,4% kế hoạch.

Hoạt động ngân hàng phát triển ổn định. Tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng đến ngày 31/12/2018 ước đạt 75.500 tỷ đồng, tăng 15,25% so với năm 2017; trong đó, vốn huy động tại địa phương 66.000 tỷ đồng, tăng 16%. Dư nợ cho vay

tăng trưởng ổn định, tập trung chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn và cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năm 2018, dư nợ ước đạt 59.500 tỷ đồng; trong đó, cho vay nông nghiệp nông thôn tăng 17,8%, cho vay xuất khẩu tăng 27,8%, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 18,3%. Chất lượng tín dụng tiếp tục được cải thiện, dư nợ xấu chiếm 1,85% tổng dư nợ.

6. Đầu tư phát triển

Tổng vốn huy động đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 31.547 tỷ đồng, tăng 11,08%. Trong đó, vốn đầu tư nhà nước tăng 5,6%; vốn đầu tư ngoài nhà nước tăng 10,73%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 14,66%. Cơ cấu vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước; tăng dần vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, cụ thể: So với năm 2017, tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước giảm từ 16,5% còn 15,6%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng từ 30,3% lên 31,3%.

Năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Tổ chỉ đạo thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2018; chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch vốn đầu tư công, cụ thể: Thực hiện rà soát làm rõ nguyên nhân các dự án có tỉ lệ giải ngân thấp, đề xuất phương án xử lý đối với từng dự án. Kế hoạch vốn giao 3.548 tỷ đồng; khối lượng thực hiện cả năm ước 3.175 tỷ đồng, đạt 89,5% kế hoạch, tăng 17,8% so với cùng kỳ, giải ngân 3.121 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch, tăng 26,93%. Trong đó, nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý ước khối lượng thực hiện 1.890 tỷ đồng, đạt 84,5% kế hoạch, tăng 32,6%, giải ngân 1.815 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch, tăng 15,8%; nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý ước khối lượng thực hiện 1.380 tỷ đồng, đạt 105,6% kế hoạch, tăng 14,9%, giải ngân 1.306 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 15,7%.

III. QUẢN LÝ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Tài nguyên môi trường

Công tác quản lý đất đai được tăng cường. Đã tổ chức công bố công khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của tỉnh, đồng thời thực hiện phân khai chỉ tiêu sử dụng đất cho các huyện, thành phố để lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện. Đã hoàn thành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất cấp huyện. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất được quan tâm.

Đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở với diện tích 96,2 ha; giao đất với diện tích 135,01 ha; cho thuê đất với diện tích 264,73 ha; thông báo thu hồi đất với diện tích 21,36 ha, thực hiện thu hồi đất với diện tích 19,54 ha. Hoạt động đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện nhanh chóng. Kết quả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 15/10/2018 toàn tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 5.850 thửa đất, với tổng diện tích 335,07 ha, trong đó: Tổ chức cấp được 233 thửa đất, với diện tích 153,79 ha; hộ gia đình, cá nhân cấp được 5.617 thửa đất, với diện tích 181,28 ha. Nâng tổng số thửa đất được cấp giấy chứng nhận lên 982.028 thửa đất, với diện tích 56.828,72 ha, đạt 79,51% về số thửa và 82,54% về diện tích.

Tích cực triển khai Kế hoạch số 93a/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh, kết quả như sau: Đã giải tỏa 1.899 trường hợp xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp; xử lý, giải tỏa 4.252 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ các công trình giao thông; xử lý, giải tỏa 608 trường hợp vi phạm công trình trái phép trên đất thủy lợi; xử lý, giải tỏa 97 trường hợp vi phạm xây dựng bên bãi kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác cát trái phép trên sông. Các hoạt động thống kê, kiểm kê đất đai được triển khai toàn diện. Các hoạt động quản lý khoáng sản được tăng cường. Công tác quản lý tài nguyên nước được quan tâm.

Công tác bảo vệ môi trường được triển khai tích cực. Đã góp ý kiến về môi trường cho 240 dự án đầu tư, từ chối tiếp nhận 03 dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tiến hành 29 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường tại 81 đơn vị, tổ chức. Kết quả: Đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với 58 đơn vị và quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 65 doanh nghiệp với số tiền xử phạt 3,1 tỷ đồng. Tổ chức lấy mẫu, giám sát chất lượng môi trường đối với 129 lượt cơ sở, phát hiện 38/129 lượt cơ sở xả thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, đã yêu cầu các cơ sở giải trình, có biện pháp khắc phục. Tiếp tục thực hiện các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải; xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại làng nghề tái chế chì xã Chi Đạo và làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, huyện Văn Lâm.

2. Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học công nghệ tiếp tục phát triển đúng định hướng, có chiều sâu. Năm 2018, tổ chức thực hiện 47 đề tài, dự án, nhiệm vụ; hỗ trợ 13 huyện thành phố, đoàn thể chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; các hoạt động phát triển tài sản trí tuệ, khởi nghiệp sáng tạo tiếp tục được chú trọng và triển khai có hiệu quả. Tổ chức hơn 50 lớp tập huấn kiến thức, quy trình kỹ thuật sản xuất cho các hộ, các vùng tham gia dự án; tổ chức 10 cuộc điều tra thống kê nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; 09 hội thảo khoa học; chuyển giao 03 quy trình sản xuất mới, quy trình sản xuất công nghệ cao. Tổ chức 13 hội nghị tổng kết, nghiệm thu đánh giá. Kết quả: Đã tham gia góp ý về công nghệ đối với 74 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Các hoạt động an toàn bức xạ hạt nhân, cấp phép vận chuyển hàng nguy hiểm, tiêu chuẩn - đo lường chất lượng tiếp tục được tăng cường quản lý, thẩm định chặt chẽ; tổ chức thanh tra, kiểm tra 208 cơ sở sản xuất kinh doanh, phát hiện, lập biên bản và yêu cầu khắc phục, sửa chữa kịp thời đối với 43 cơ sở vi phạm; kiểm định 6.766 phương tiện đo, loại bỏ 49 phương tiện đo không đạt yêu cầu. Các hoạt động xây dựng quản lý, bảo hộ sở hữu trí tuệ được triển khai hiệu quả. Đã cấp quyền bảo hộ cho Cam Văn Giang, Cam Đồng Thanh Kim Động, Nghệ Chí Tân, Hoa Xuân Quan.

3. Giao thông vận tải

Hạ tầng giao thông vận tải tiếp tục được quan tâm đầu tư mạnh mẽ. Tổng kinh phí bố trí thực hiện năm 2018 trên 1.400 tỷ đồng. Kết quả: Đã đầu tư, nâng cấp hoàn thành đưa vào sử dụng 15km đường tỉnh, trên 35km đường huyện, khoảng 80km đường giao thông nông thôn, xã; hoàn thành xây dựng 02 cầu. Thực hiện duy tu bảo dưỡng được 388km đường tỉnh, 45km quốc lộ ủy thác; sửa chữa, cải tạo 10,8km đường tỉnh, 05 km quốc lộ ủy thác, với tổng kinh phí 102 tỷ đồng. Đã

cơ bản thông xe giai đoạn 1 tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình và Cầu Hưng Hà. Năm 2018, dự kiến hoàn thành các dự án cấm mốc theo quy hoạch các tuyến đường vành đai 4, vành đai 3,5, đường nối vành đai 5 với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và tuyến đường 379 đoạn từ nút giao ĐT.379 với ĐT.381 đến nút giao Lý Thường Kiệt (cao tốc Hà nội - Hải Phòng); Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT.386 từ thị trấn Trần Cao đến bến phà La Tiến (Km16+00-Km25+900),...

Hoạt động quản lý vận tải được tăng cường, các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông được triển khai đồng bộ. Từ đầu năm đến nay đã xử lý 29.310 trường hợp vi phạm, phạt 25,636 tỷ đồng; ban hành 12 quyết định thu hồi 512 phù hiệu có thời hạn xe kinh doanh vận tải do vi phạm trong hoạt động vận tải; tình hình tai nạn giao thông 10 tháng năm 2018: Toàn tỉnh xảy ra 132 vụ tai nạn giao thông, tương đương cùng kỳ năm trước, làm 97 người chết, giảm 2%; 101 người bị thương, tăng 8,6%. Năm 2018, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 30,7 triệu tấn, tăng 13,44%; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 1.098 triệu tấn.km, tăng 12,32%; số lượt hành khách vận chuyển 14,72 triệu người, tăng 13,52%; số lượt hành khách luân chuyển 861 triệu người.km, tăng 11,23%; doanh thu vận tải ước 3.359 tỷ đồng, tăng 13,08%.

IV. VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục - đào tạo được nâng lên, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm. Toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiểu học mức độ 3, trung học cơ sở mức độ 2 và xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 98,64%, tăng 1,03%; tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học đạt 62,18%, tăng 9,79%. Công tác tuyển chọn bồi dưỡng học sinh giỏi thu được kết quả khá tích cực. Học sinh giỏi quốc gia đạt 37 giải. Cơ sở vật chất, các dự án trang thiết bị dạy học tiếp tục được tăng cường đầu tư. Năm 2018, toàn tỉnh có thêm 286 phòng học, nâng tổng số phòng học lên 9.422 phòng; trong đó, phòng học kiên cố cao tầng 8.384 phòng, đạt 89%. Dự kiến có thêm 37 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 337 trường, bằng 60,2% tổng số trường của cả tỉnh. Đội ngũ cán bộ giáo viên tiếp tục được tăng cường. Đến nay, 100% đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn, trong đó đạt trên chuẩn: Giáo dục mầm non 73,11%; tiểu học 92,18%; trung học cơ sở 72,28%; trung học phổ thông 20,68%. Quản lý giáo dục được thực hiện có nền nếp; công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, góp phần duy trì kỷ cương, nề nếp dạy-học, thi cử, tuyển sinh, dạy thêm - học thêm và thu góp.

2. Y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Các hoạt động y tế dự phòng được triển khai hiệu quả, đến nay trên địa bàn tỉnh không có dịch lớn xảy ra. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, các chỉ tiêu y tế đạt khá. Chỉ tiêu khám, điều trị bình quân đạt 133% kế hoạch; bình quân 01 vạn dân có 6,8 bác sỹ và 27,3 giường bệnh; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế 99%, (KH 93,4%), tăng 0,86%. Các loại vắc xin được cung ứng đầy đủ, kịp thời, trong và sau tiêm chủng không có tai biến xảy ra, tỷ lệ tiêm chủng đủ mũi ước đạt 99% kế hoạch, tăng 0,1%. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em được tăng cường. Tỷ lệ phụ nữ được khám thai trên 03 lần trước khi sinh đạt 98%; tỷ lệ đẻ do

cán bộ y tế đỡ đạt 100%; 100% trẻ từ 6 tháng đến 60 tháng tuổi và các bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng 11,6%, giảm 0,02%. Các hoạt động dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai rộng khắp. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì dưới 1%; tỷ số giới tính khi sinh là 119/100 tương đương năm 2017; tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên 17,9%, tăng 0,1% so năm 2017.

Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được tích cực triển khai. Đã thực hiện giám sát, truy xuất nguồn gốc, chất lượng nguyên liệu thực phẩm đối với các cơ sở cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho các bếp ăn tập thể trên địa bàn tỉnh. Đang tổ chức rà soát các trạm y tế xã đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu. Việc tuyên truyền, vận động nhân dân tự nguyện tham gia các loại hình bảo hiểm được đổi mới với nhiều hình thức phong phú. Dự kiến hết năm 2018 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,5%, tăng 2,6%. Công tác kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm được tăng cường. Công tác quản lý hành nghề y được tư nhân được đảm bảo. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống các bệnh sốt rét, bệnh đái tháo đường, bệnh lao. Duy trì kết quả thanh toán bệnh phong cấp tỉnh. Tăng cường giám sát người nhiễm HIV/AIDS. Công tác đấu thầu thuốc đã tiết kiệm được 20,3 tỷ đồng so với giá kế hoạch. Đảm bảo cung ứng thuốc đầy đủ kịp thời, không xảy ra tai biến do các phản ứng của thuốc.

3. Văn hóa, thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi tại khắp các địa phương chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh. Tổ chức Lễ tưởng niệm 20 năm ngày mất Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và đón nhận bằng xếp hạng di tích lịch sử quốc gia “Khu lưu niệm Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh”; Lễ khai mạc và triển khai các hoạt động trong kỳ Đại hội thể dục thể thao tỉnh Hưng Yên lần thứ VIII năm 2018. Các hoạt động quản lý di tích được quan tâm. Các hoạt động trưng bày tại bảo tàng, thư viện được tổ chức tốt. Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, phát hành phim được triển khai thường xuyên. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá tiếp tục được triển khai sâu rộng: tỷ lệ làng, khu phố văn hoá 88% (KH 88%), tỷ lệ gia đình văn hoá 91% (KH 91%).

Tiếp tục triển khai có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Thể thao thành tích cao đạt được nhiều kết quả tích cực: Đã tham gia thi đấu 30 giải quốc gia, giành 26 HCV, 31 HCB và 56 HCD. Đặc biệt, đội bóng đá trẻ U11 Hưng Yên xuất sắc đạt á quân giải Bóng đá nhi đồng toàn quốc năm 2018; Câu lạc bộ Bóng đá Phố Hiến được thăng hạng lên thi đấu tại giải hạng nhất quốc gia năm 2019. Công tác thông tin, xúc tiến, quảng bá du lịch tiếp tục được đẩy mạnh, năm 2018 khách du lịch đến Hưng Yên ước đạt trên 900 nghìn lượt khách, tăng 15%.

4. Lao động, thương binh và xã hội

Công tác lao động, thương binh và xã hội tiếp tục có chuyển biến tích cực. Đã tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm với 19 nghìn lượt lao động được tư vấn, phỏng vấn trực tiếp, trong đó khoảng 34% số lao động được tuyển dụng; tạo việc làm trong nước cho 20.158 người, đạt 105,5% kế hoạch, tăng 4,89%; xuất khẩu 3.742 lao động, đạt 110% kế hoạch, tăng 16,83%. Tuyển sinh, đào tạo nghề cho 53.497 người,

đạt 115% kế hoạch, tăng 9,34%; đã đổi mới đào tạo nghề, gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa Nhà nước, doanh nghiệp, nhà trường và học sinh. Đến nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, đạt kế hoạch đề ra, tăng 2% so với năm trước; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 45%.

Thực hiện chu đáo các chính sách đối với người có công, cụ thể: Tổ chức thăm và trao tặng 141.641 suất quà tới các gia đình chính sách, người có công nhân dịp Tết Nguyên đán và kỷ niệm 71 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ; triển khai điều dưỡng cho 8.643 người có công ở trong và ngoài tỉnh; giải quyết chế độ đối với 3.126 hồ sơ mai táng phí; xác nhận, tiếp nhận hồ sơ liệt sĩ đối với 15 trường hợp; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ cho trên 16 nghìn thân nhân/người thờ cúng liệt sĩ.

Các hoạt động chính sách xã hội được quan tâm: Tổ chức thăm, chúc thọ, tặng quà 27.250 người cao tuổi. Hỗ trợ ăn Tết đối với 12.639 hộ nghèo và 778 đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm bảo trợ xã hội trong tỉnh; trao tặng quà, học bổng, bảo trợ cho trên 65 nghìn lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Công tác giảm nghèo được triển khai tích cực, dự kiến tỷ lệ hộ nghèo năm 2018 giảm còn 2,75% (KH 2,8%; năm 2017 đạt 3,5%).

5. Thông tin liên lạc và truyền thông

Hạ tầng kỹ thuật viễn thông không ngừng được đầu tư phát triển. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của tỉnh năm 2018 có bước tiến vượt bậc, xếp thứ 9/63 tỉnh, thành, tăng 22 bậc so với năm 2017. Công tác quản lý dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet, tần số vô tuyến điện được tăng cường. Đến nay, toàn tỉnh có 164 điểm bưu điện, số dân phục vụ bình quân 6.915 người/điểm; có 13.681 thuê bao cố định (giảm 70% so với năm 2017); 112.162 thuê bao điện thoại di động trả sau, tăng 40,5%; 138.053 thuê bao internet, tăng 43% so với năm 2017.

Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước được triển khai đồng bộ. Đã ban hành quy chế quản lý sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước; hiện nay, khoảng 80% số văn bản gửi, nhận trên môi trường mạng đã được ký chữ ký số. Đã thống nhất sử dụng phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng tại bộ phận một cửa tại các cơ quan nhà nước. Đã triển khai và đưa vào hoạt động hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ UBND tỉnh đến UBND các huyện, thành phố với 12 điểm cầu. Hệ thống truyền hình trực tuyến kết nối với Chính phủ hoạt động tốt đáp ứng yêu cầu các cuộc họp trực tuyến. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin ngày càng được quan tâm, chú trọng. Các cơ quan báo chí, truyền hình hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, thực hiện đúng định hướng tuyên truyền của Đảng và Nhà nước.

V. VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUẢN LÝ TÔN GIÁO, THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 30/3/2018 về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW

về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đã hoàn thành việc phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm. Thành lập các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện, thành phố. Kết quả chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2017 đứng thứ 29/63 tỉnh, thành. Thành lập Văn phòng đại diện Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức lại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh, đổi tên và tổ chức lại Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp. Tổ chức lại các trung tâm y tế cấp huyện trên cơ sở sáp nhập trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp huyện vào trung tâm y tế cấp huyện. Sáp nhập Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Thực hiện sáp nhập giảm 16 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các sở, chi cục, trung tâm trực thuộc sở; giảm 09 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Đến năm 2018, toàn tỉnh đã thực hiện tinh giản được 1.220 biên chế, trong đó: 96 biên chế công chức đạt 5,07%; 1.124 biên chế viên chức, đạt 5,03%. Đang tích cực hoàn thành công tác chuẩn bị thành lập Trung tâm Hành chính công của tỉnh, sáp nhập Văn phòng UBND tỉnh và Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh. Quản lý nhà nước về tôn giáo được quan tâm chú trọng. Công tác thi đua khen thưởng thực hiện có hiệu quả, thu hút đông đảo các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

VI. CÁC LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH, TƯ PHÁP VÀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác huấn luyện được triển khai theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối. Đã tổ chức 02 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện Văn Lâm, Ân Thi; diễn tập quốc phòng an ninh cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông; diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho thành phố Hưng Yên; tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu cho 13 cơ quan, đơn vị; diễn tập chỉ huy - cơ quan một bên một cấp trên bản đồ cho 11 cơ quan, đơn vị; tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cụm xã được 39/161 xã, phường thị trấn; diễn tập quốc phòng an ninh huyện được 10 ban ngành, đạt 100% chỉ tiêu. Tổ chức lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo đúng quy mô, đủ thành phần số lượng. Tuyển chọn, giao đủ 1.850 chiến sĩ mới nhập ngũ năm 2018, đạt 100% chỉ tiêu. Giáo dục quốc phòng cho 33.844 học sinh, sinh viên. Đã ban hành Đề án Xây dựng công trình phòng thủ tỉnh và chỉ đạo các huyện, thành phố lập Đề án Xây dựng công trình phòng thủ huyện; có 3/10 huyện xây dựng xong Đề án. Công tác bảo quản, bảo dưỡng vũ khí trang bị được thực hiện đúng quy định. Hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Hưng Yên.

2. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm được đẩy mạnh, kết quả:

Khám phá 100% các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; phát hiện, triệt phá một số điểm đánh bạc có nhiều đối tượng tham gia, đánh bạc dưới hình thức lô đề qua ứng dụng zalo, tin nhắn trên điện thoại. Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự được củng cố và tăng cường. Từ ngày 16/11/2017 đến ngày 15/10/2018, đã khởi tố, điều tra 433 vụ, 668 bị can phạm tội về trật tự xã hội; 26 vụ, 62 bị can phạm tội về kinh tế, tham nhũng; 64 vụ, 441 bị can phạm tội về đánh bạc; 207 vụ, 228 bị can phạm tội về ma túy; 04 vụ, 04 bị can phạm tội về mại dâm; truy bắt 108 đối tượng truy nã. Xử lý hành chính 125 vụ; xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm trên 04 tỷ đồng; xử lý 12 trường hợp khai thác cát trái phép, phạt 417,7 triệu đồng. Phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, phát hiện 73 vụ việc, phương tiện vận chuyển, buôn bán, kinh doanh hàng hóa không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ...; thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 5,5 tỷ đồng. Công tác phòng cháy, chữa cháy đảm bảo tích cực, kịp thời. Trong 9 tháng đầu năm 2018, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 08 vụ cháy, 01 vụ nổ, làm 02 người chết, 01 người bị thương. Đặc biệt vụ cháy tại Công ty Nhựa Bắc Á và Chợ Gạo tối ngày 25/7 gây ra thiệt hại ước tính 34,8 tỷ đồng.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện thể chế đạt nhiều kết quả tích cực, với nhiều quy định bảo đảm tốt hơn về quyền con người, quyền công dân. Chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên rõ rệt. Năm 2018, Sở Tư pháp đã thẩm định 41 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tham gia góp ý 52 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của trung ương và địa phương; phối hợp với các cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh tiến hành tự kiểm tra 24 văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 368 văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành, trong đó xác định 58 văn bản là văn bản quy phạm pháp luật. Công tác hành chính tư pháp, đặc biệt là triển khai Chương trình hành động quốc gia về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024 gắn với triển khai Luật Hộ tịch được tăng cường. Đã tiếp nhận và cấp 3.356 phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cá nhân; giải quyết xong 04 hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Hoạt động phát triển đội ngũ quản tài viên, trọng tài viên và luật sư được triển khai hiệu quả, góp phần cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

4. Công tác thi hành án dân sự tiếp tục được tăng cường và nâng cao hiệu quả, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Kết quả tổng số việc phải thi hành là 6.845 việc, tương ứng với 781,2 tỷ đồng. Sau khi phân loại, có 5.486 việc có điều kiện thi hành, tương ứng với 447,3 tỷ đồng. Đã thi hành xong 4.901 việc, đạt 89,3%, bằng 121,4% chỉ tiêu giao, tỷ lệ giảm tồn của số có điều kiện thi hành chuyển sang năm 2018 là 5,9%. Tổng số tiền đã thi hành đạt 242,5 tỷ đồng, đạt 54,2%, bằng 166,7% chỉ tiêu giao, đạt tỷ lệ giảm tồn của số có điều kiện thi hành chuyển sang năm 2018 là 4,7%.

VII. CÔNG TÁC THANH TRA, TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT ĐƠN THU KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

1. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện nghiêm túc. Năm 2018, toàn tỉnh tiến hành 264 cuộc thanh tra hành chính, 116 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra kiến nghị xử lý về kinh tế 71,9 tỷ đồng (thu hồi nộp ngân sách nhà nước 11,8 tỷ đồng, kiến nghị khác 60,1 triệu đồng; đã đốc thu được 20 tỷ đồng tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước); ban hành 451 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 8,1 tỷ đồng; kiến nghị xử lý hành chính 39 tập thể, 07 cá nhân. Các cấp, các ngành đã tiếp 1.358 lượt công dân, tiếp nhận 1.771 đơn thư; đã giải quyết xong 19/34 đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; xử lý hướng dẫn trả lời 527 đơn, các đơn còn lại do trùng lặp hoặc nặc danh, mạo danh, không đủ điều kiện xử lý được lưu đơn theo quy định

2. Trong năm đã tổ chức 14 lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng với trên 2.341 lượt cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tham gia. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đã thực hiện nghiêm túc việc công khai minh bạch trong hoạt động, ban hành chế độ định mức tiêu chuẩn, xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp. Công tác tự kiểm tra nội bộ được thực hiện thường xuyên. Việc chuyển đổi vị trí cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng được thực hiện đúng quy định, trong năm đã chuyển đổi vị trí công tác cho 16 cán bộ, công chức. Việc kê khai tài sản, thu nhập được triển khai nghiêm túc, tỷ lệ số người thực hiện kê khai đạt 99,95%, tỷ lệ số người chậm kê khai là 0,05%, tỷ lệ bản kê khai được công khai là 100%.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tích cực của các cấp, các ngành, sự nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn của các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 đã đạt được kết quả tích cực. Kinh tế tăng trưởng tốt, vượt mục tiêu đề ra; sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ tăng trưởng khá, nông nghiệp phục hồi và tăng trưởng ổn định. Thu ngân sách hoàn thành vượt dự toán đề ra, có nhiều chỉ tiêu vượt cao. Hệ thống cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư và phát triển nhanh, nhất là hạ tầng giao thông, nhiều tuyến đường và đê lớn được đầu tư, hoàn thành đưa vào sử dụng. Công tác an sinh, xã hội được triển khai hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước có nhiều tiến bộ. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tăng cường. Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên.

VIII. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn nông dân sản xuất theo quy trình Vietgap chưa được quan tâm diện rộng. Ô nhiễm môi trường do chăn nuôi vẫn diễn biến phức tạp, nhất là chăn nuôi trong khu dân cư. Hoạt động của một số hợp tác xã sau chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hiệu quả còn chưa cao. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa sâu sát, thiếu quyết liệt.

- Tiến độ triển khai một số dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, nhà ở, đô thị, dự án khu chăn nuôi, dự án khu giết mổ tập trung xa khu dân cư; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm.

- Công tác thu ngân sách còn gặp nhiều khó khăn, các khoản thu không đồng đều, khoản thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn đang tập trung hoàn thành nhưng gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai Đề án Ngoại ngữ quốc gia ở giáo dục phổ thông còn khó khăn, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học và quản lý giáo dục ở một số đơn vị còn chưa hiệu quả.

- Kết quả xử lý vi phạm xây dựng công trình, nhà ở trên đất nông nghiệp và đất công trình thủy lợi đạt thấp, lần lượt đạt 25,88% và 17,98% trên tổng số trường hợp vi phạm đã rà soát.

- Công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong việc xác định giá đất. Một số hộ dân thiếu hợp tác trong quá trình giải phóng mặt bằng để bàn giao cho nhà đầu tư.

- Tỷ lệ giới tính khi sinh và sinh con thứ 3 vẫn ở mức cao và chưa có chuyển biến; công tác kiểm tra giám sát chất lượng nước sinh hoạt, nước ăn uống tại các hộ gia đình và công tác quản lý chất thải y tế tại một số cơ sở y tế khám chữa bệnh còn hạn chế.

- Việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước chưa theo kịp xu thế phát triển chung của xã hội. Kỷ luật, kỷ cương ở một số nơi chưa nghiêm. Tình hình khiếu nại, tố cáo ở một số địa phương còn diễn biến phức tạp, một số nơi chưa chủ động giải quyết có hiệu quả.

- Hành vi và tính chất của nhiều loại tội phạm ngày càng táo tợn, dã man và phức tạp, tin dụng đen hoạt động phức tạp.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý, người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm còn chưa cao. Năng lực nội tại của nhiều hợp tác xã nông nghiệp còn yếu kém; đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa đáp ứng tốt yêu cầu.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài, do vậy việc thu hút nhà đầu tư còn khó khăn.

- Năng lực một số chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn hạn chế. Một số văn bản quy phạm pháp luật thiếu đồng bộ, chồng chéo, quy trình, thủ tục mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, tiến độ giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án đầu tư.

- Một số văn bản quy định mốc giới của các công trình có hiệu lực sau khi một số hộ dân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đã được xã bán đất dịch vụ,... trước năm 2008, cá biệt có một số hộ từ trước năm 1993 dẫn tới khó xử lý vi phạm. Sự phối hợp giữa các xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi

với các địa phương chưa chặt chẽ, thường xuyên, chưa hiệu quả, dẫn đến tiến độ xử lý, giải quyết chậm.

- Việc liên kết, phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa được quan tâm đúng mức, còn tình trạng thiếu giáo viên ở nhiều trường. Việc huy lực các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục còn hạn chế.

- Nguồn lực cho phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội của tỉnh còn hạn hẹp, ảnh hưởng đến thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Ý thức trách nhiệm và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường của một số tổ chức, doanh nghiệp và người dân chưa cao; sự phối hợp giữa các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong quản lý, sử dụng, bảo vệ, khai thác về tài nguyên môi trường chưa chặt chẽ, hiệu quả phối hợp chưa cao.

Phần thứ hai

BÁO CÁO KHÁI QUÁT KẾT QUẢ 3 NĂM THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVIII VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2018 tăng 8,72%, vượt mục tiêu so với nghị quyết đề ra là tăng từ 7,5-8%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; đến hết năm 2018: Công nghiệp, xây dựng 51,56% - nông nghiệp, thủy sản 10,58% - dịch vụ 37,86% (KH đến năm 2020: Công nghiệp - xây dựng 55%; nông nghiệp 8%; thương mại - dịch vụ 37%). GRDP bình quân đầu người tăng qua các năm, năm 2018 đạt 55,3 triệu đồng (KH đến năm 2020 GRDP bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng). Kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng cao, bình quân 19,43%/năm (Nghị quyết đề ra tăng 16%/năm). Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng trưởng ổn định, năm sau cao hơn năm trước, trung bình giai đoạn 2016-2018 tăng 16,24%/năm (Nghị quyết đề ra tăng 12%/năm).

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2018 tăng 2,67% (KH tăng từ 2,5-3%). Đến hết năm 2018, giá trị thu được trên 01 ha canh tác đạt 192 triệu đồng/ha (KH đến năm 2020 đạt 210 triệu đồng/ha). Cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi, ước năm 2018: Lương thực 19,63% - rau quả, cây công nghiệp 24,87% - chăn nuôi; thủy sản 55,5% (KH đến năm 2020: Lương thực 15,5% - rau quả, cây công nghiệp 26,5% - chăn nuôi, thủy sản 58%). Chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, theo hình thức trang trại, gia trại. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả; đến hết năm 2018 có 73,8% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (kế hoạch đến năm 2020 có 70%, phấn đấu 100%). Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95% (KH đến năm 2020 đạt 98%); trong đó, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt 75%.

Giai đoạn 2016-2018, hạ tầng các khu công nghiệp được đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch đến năm 2020 có 2-3 khu công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng đi vào hoạt động. Đồng thời, tăng cường thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp; đến nay, có 03 cụm công

ng nghiệp thu hút được nhà đầu tư hạ tầng, trong đó cụm công nghiệp Minh Khai mở rộng được đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, đang kêu gọi doanh nghiệp vào thuê đất (KH đến năm 2020 có 10 cụm công nghiệp được đầu tư hạ tầng đi vào hoạt động). Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng qua các năm, bình quân giai đoạn 2016-2018 tăng 9,84%/năm (mục tiêu Nghị quyết đề ra tăng từ 9-10%/năm). Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch tích cực; các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có thương hiệu, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường được giữ vững và phát triển; có thêm nhiều sản phẩm công nghiệp phụ trợ, công nghệ giá trị gia tăng cao như: Máy điều hòa công khí; phụ tùng ô tô xe máy, đồ điện tử, thúc đẩy tăng kim ngạch xuất khẩu.

Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ bình quân giai đoạn 2016-2018 tăng 8,38%/năm (KH tăng 8,5-9,5%/năm). Kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016-2018 tăng 19,19%/năm (Nghị quyết đề ra tăng 16%/năm); dự kiến năm 2018 đạt 4.250 triệu USD (Nghị quyết đề ra đến năm 2020 đạt 5.000 triệu USD). Nhập khẩu tăng trưởng cao, bình quân tăng 19%/năm.

Từ năm 2016 đến nay, thu hút gần 600 dự án đầu tư (bao gồm: 491 dự án đầu tư trong nước; 109 dự án đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đăng ký 36.671 tỷ đồng và 879,7 triệu USD; nâng tổng số dự án đầu tư trên địa bàn lên 1.836 dự án, bao gồm: 1.414 dự án đầu tư trong nước và 422 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký 124.892 tỷ đồng và 4.345 triệu USD, tương đương khoảng 9,7 tỷ USD, đạt 97% mục tiêu nghị quyết đề ra. Các hoạt động phát triển doanh nghiệp được triển khai hiệu quả. Có thêm 3.427 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký đạt 35.851 tỷ đồng. Đến nay, tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 9.810 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký đạt 98.590 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2018 thu, chi ngân sách đảm bảo cân đối. Thu ngân sách bình quân tăng 16,24%/năm; năm 2017 tỉnh đã tự cân đối ngân sách và điều tiết về trung ương 7% thu ngân sách; năm 2018, thu ngân sách đạt 12.840 tỷ đồng (KH đến năm 2020 đạt 13.000 tỷ đồng); trong đó, thu nội địa 9.400 tỷ đồng (Nghị quyết đề ra đến năm 2020 thu nội địa đạt 9.000 tỷ đồng). Chi ngân sách hàng năm bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi thường xuyên và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Hoạt động tiền tệ, tín dụng cơ bản ổn định đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn 2016-2018, toàn tỉnh huy động cao nguồn lực tập trung cho đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tổng vốn huy động toàn xã hội 3 năm đạt gần 88.180 tỷ đồng, đạt 58,7% mục tiêu Nghị quyết đề ra. Hạ tầng giao thông vận tải được quan tâm đầu tư, phát triển nhanh, nhất là những tuyến đường trọng điểm, đáp ứng yêu cầu đi lại của nhân dân và phát triển kinh tế - xã của tỉnh như: Đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, cầu Hưng Hà và đê tả sông Luộc kéo dài; với tổng vốn đầu tư khoảng 3.850 tỷ đồng, đã đầu tư hoàn thành trên 70km đường tỉnh, cải tạo nâng cấp 168,5km đường huyện và 12 cầu huyện, nâng cấp 80km đường xã, 452km đường thôn xóm, đường ra đồng. Hệ thống thủy lợi được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, nhiều dự án lớn, trọng điểm của tỉnh được triển khai thực hiện, góp phần nâng cao năng lực tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và ứng phó

với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai của tỉnh. Hạ tầng thương mại được đầu tư phát triển. Công tác xây dựng và phát triển đô thị được đẩy mạnh. Tỷ lệ đô thị hóa đến hết năm 2018 đạt 34,2% (KH đến năm 2020 đạt 40,5%). Năm 2018 có 08 xã đạt đô thị loại V (Nghị quyết đề ra có 5-6 khu vực đạt đô thị loại V).

Công tác quản lý đất đai được tăng cường. Công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm. Các hoạt động bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ. Hoạt động khoa học công nghệ phát triển đúng định hướng, có chiều sâu. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Các trường mầm non thực hiện dạy và chăm sóc trẻ theo chương trình mới. Các trường tiểu học và trung học cơ sở tiếp tục đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh; đến nay có 83/170 trường trường tiểu học và 93/171 trường THCS dạy học theo mô hình trường học mới. Các hoạt động y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2018 đạt 99% (KH đến năm 2020 có 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2018 đạt 86,5% (KH đến năm 2020 đạt trên 90%). Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi. Tỷ lệ làng, khu phố văn hoá 88% (KH đến năm 2020 đạt 87%); tỷ lệ gia đình văn hoá 91% (KH đến năm 2020 đạt 90%). Thực hiện chu đáo các chính sách đối với người có công. Các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo. Giai đoạn 2016-2018, bình quân tạo việc làm cho khoảng 2,15 vạn lao động/năm (KH trung bình mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 2 vạn người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60% (KH đến năm 2020 đạt 65%). Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 2,75% (KH đến năm 2020 dưới 2%).

II. HẠN CHẾ YẾU KÉM

Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa bền vững. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt thấp so với tiềm năng của tỉnh. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh song sự gắn kết với các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nội tỉnh còn hạn chế, tác dụng lan tỏa chưa được phát huy mạnh mẽ. Tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp còn chậm. Hạ tầng thương mại dịch vụ còn yếu, hoạt động logistic gặp nhiều khó khăn. Chất lượng đào tạo đại học, dạy nghề chưa đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực. Công tác giải phóng mặt bằng còn chậm. Việc phát hiện và xử lý các vi phạm trong quản lý đất đai chưa triệt để. Vấn đề ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm nước trên các con sông diễn biến phức tạp.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Dự báo năm 2019, bên cạnh những yếu tố thuận lợi như kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, tạo động lực thúc đẩy đầu tư, phát triển sản xuất và thương mại, vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức: Thời tiết, dịch bệnh diễn biến

phức tạp, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chưa được cải thiện nhiều; nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế..., là những yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục ổn định kinh tế, kiểm soát giá cả, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp; phát triển công nghiệp công nghệ hiện đại có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; huy động mọi nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, nhất là xây dựng giao thông. Thực hiện tốt các chính sách an sinh, xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Tổng sản phẩm (GRDP) tăng 8,3%. Giá trị sản xuất: Công nghiệp tăng 9,5%; nông nghiệp - thủy sản tăng 2,6% và thương mại, dịch vụ tăng 8,2%. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 52,2% - nông nghiệp, thủy sản 10,1% - dịch vụ 37,7%. GRDP bình quân đầu người 62 triệu đồng. Kim ngạch xuất khẩu 4,76 tỷ USD. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ 34.300 tỷ đồng. Thu ngân sách trên địa bàn 12.865 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 9.565 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 3.300 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách 9.269 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.511 tỷ đồng, chi thường xuyên 6.294 tỷ đồng.

Phấn đấu có thêm 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; từ 15-20 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân toàn tỉnh đạt 18,8 tiêu chí/xã. Toàn tỉnh chuyển đổi được 2.300 ha - 2.400 ha diện tích lúa hiệu quả thấp sang trồng cây ăn quả, dược liệu, hàng năm và kết hợp nuôi trồng thủy sản. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 37,5%, có thêm 46 trường đạt chuẩn quốc gia; duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%; tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 88,2%; tạo thêm việc làm mới cho 2,3 vạn lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo 62%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 47,5%; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,2%; tỷ lệ làng, khu phố văn hoá 88,5%; tỷ lệ gia đình văn hoá 91,5%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương; Nghị quyết, Chương trình, Đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về phát triển toàn diện kinh tế - xã hội năm 2019.

2. Tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng và phát triển mô hình “Cánh đồng liên kết sản xuất”, vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, quy mô lớn. Đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chủ động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng ngay từ đầu vụ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu chọn tạo các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; dự kiến giá trị thu nhập bình quân trên một đơn vị diện

tích canh tác đạt 205 triệu đồng/ha; chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ địa bàn nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản. Tiếp tục đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng dịch chuyển lao động nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Tăng cường các hoạt động quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm. Khuyến khích phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, đồng thời xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận, vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá các nông sản của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng; tiếp tục duy trì và phát triển các nhãn hiệu hàng hóa tập thể đã được bảo hộ, đồng thời phối hợp hỗ trợ, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa tập thể mới cho một số nông sản khác của tỉnh.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Tập trung hoàn thành việc bổ sung quy hoạch khu công nghiệp và đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt vào quy hoạch phát triển, để thu hút các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng; hỗ trợ, đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp: Minh Đức, Minh Quang, Phố Nối A, Yên Mỹ, Kim Động, Yên Mỹ II và các khu công nghiệp có khả năng phát triển, đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, có mặt bằng để tiếp nhận dự án đầu tư. Khẩn trương triển khai đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp đã được điều chỉnh quy hoạch trong giai đoạn đến năm 2020; phấn đấu trong năm 2019, mỗi huyện, thành phố có ít nhất 01 cụm công nghiệp; huyện Ân Thi, Văn Lâm có ít nhất 2 cụm công nghiệp và toàn tỉnh có thêm khoảng 150 ha đất khu công nghiệp được đầu tư hạ tầng đồng bộ đi vào hoạt động. Tăng cường nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để có biện pháp tháo gỡ kịp thời. cương quyết thu hồi các dự án chậm triển khai hoặc không có khả năng thực hiện để giành quỹ đất tiếp nhận các dự án đầu tư có tính khả thi cao, công nghệ hiện đại. Chỉ tiếp nhận các dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dừng tiếp nhận các dự án sản xuất rời lẻ ngoài khu công nghiệp.

4. Xây dựng, triển khai các sự kiện xúc tiến thương mại tập trung vào nhóm các sản phẩm nông sản đặc thù của tỉnh như: Nhãn, vải lai chín sớm, cam và quả có múi. Tập trung thiết kế bao bì nhãn mác, mở rộng xây dựng thương hiệu hàng hóa, áp dụng tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ..., góp phần tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ cho nông sản. Tăng cường quảng bá các ưu đãi đầu tư của tỉnh để thu hút các dự án đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, nhất là ở khu vực nông thôn. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại điện tử; đẩy nhanh tiến độ triển khai, sớm đưa vào hoạt động và phát huy hiệu quả Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Hưng Yên. Hỗ trợ xây dựng các mối quan hệ liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, nhất là các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả các hoạt động thanh tra, kiểm soát, quản lý thị trường, đấu tranh có hiệu quả các hành vi buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ, mẩu mã sản phẩm, quy định về vệ sinh

thực phẩm..., kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần ổn định thị trường, tạo môi trường lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh.

5. Tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách năm 2019. Tăng cường quản lý thuế, chống thất thoát, gian lận và nợ đọng thuế. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Đẩy mạnh cải cách hành chính thuế, thúc đẩy việc nộp thuế điện tử. Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là chi đầu tư xây dựng cơ bản và tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt công tác huy động vốn với các mức lãi suất linh hoạt để thu hút tốt các nguồn tiền nhàn rỗi, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế địa phương. Đẩy mạnh tái cơ cấu hoạt động của các tổ chức tín dụng gắn với xử lý giảm nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống. Đẩy mạnh chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình; đảm bảo tiến độ, hiệu quả đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công trình giao thông. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông, nhất là trong các dịp lễ, Tết. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, hạn chế tối đa xe chở quá tải trọng. Chấn chỉnh công tác cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm xe ô tô. Tích cực kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về giao thông.

7. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Triển khai các hoạt động nhằm đẩy nhanh việc xác định giá đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Tiếp tục rà soát, thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai quá thời hạn quy định, không thực hiện đầu tư hoặc không có khả năng đầu tư. Tập trung quyết liệt thực hiện Kế hoạch số 93^a/KH-UBND ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Từ chối tiếp nhận các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường quản lý tài nguyên nước, ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý chặt chẽ việc khai thác cát trên các tuyến sông Hồng, sông Luộc. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở phát sinh chất thải lớn; cơ sở thuộc danh sách điểm nóng về ô nhiễm môi trường. Thực hiện lấy mẫu giám sát chất lượng môi trường đối với các doanh nghiệp có lưu lượng xả thải lớn. Đẩy mạnh các hoạt động phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình. Kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm về môi trường, nhất là nước thải công nghiệp chưa qua xử lý, vận chuyển phế thải, chất thải công nghiệp, y tế, làng nghề gây ô nhiễm môi trường.

8. Tăng cường chuyển giao tiến bộ khoa học vào sản xuất kinh doanh, phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và xây dựng nông thôn mới. Tập trung xây dựng mô hình trình diễn một số giống cây, con mới có giá trị kinh tế cao, có khả năng chống bệnh và phù hợp với điều kiện của tỉnh, phục vụ

tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng thu nhập cho người sản xuất. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mạnh dạn đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy, hỗ trợ thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tạo lập, phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm mang tính đặc thù, sản phẩm đặc sản có thể mạnh của tỉnh, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ trên các lĩnh vực công nghệ và thị trường công nghệ, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ.

9. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng học ngoại ngữ và tin học cho học sinh ở các bậc học. Nâng cao số lượng và chất lượng học sinh giỏi, phấn đấu duy trì số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đỗ vào các trường đại học trên 55%; trên 80% số học sinh dự thi học sinh giỏi quốc gia đạt giải với cơ cấu chất lượng giải cao và có học sinh dự thi học sinh giỏi quốc tế. Duy trì kết quả đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tiểu học mức độ 3; giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố cao tăng mầm non 80%; tiểu học 95%; trung học cơ sở 98%; trung học phổ thông 96,6%. Phấn đấu xây dựng thêm 46 trường đạt chuẩn quốc gia; khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đi học, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và học đạt trình độ trên chuẩn; phấn đấu giáo viên đạt trình độ trên chuẩn: Mầm non 74%; tiểu học 94,8%; trung học cơ sở 80,2 %; trung học phổ thông 21%. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm duy trì kỷ cương, nề nếp dạy-học, thi cử, dạy thêm- học thêm và thu góp. Đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất các khu dân cư Nu-9, Nu-10 để tạo vốn giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Phố Hiến.

10. Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Cùng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Thực hiện tốt việc phân tuyến kỹ thuật tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng cao ở nơi gần nhất. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 24 – CTTr/TU ngày 05/02/2018 của Tỉnh ủy Hưng Yên về kiện toàn mạng lưới y tế. Thực hiện giao quyền tự chủ chi cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Đa khoa Phố Nối, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh. Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát chi phí y tế, hạn chế lạm dụng thuốc và kỹ thuật. Tiếp tục củng cố mạng lưới dân số - kế hoạch hóa gia đình; có giải pháp giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu dân số- KHHGD, đảm bảo duy trì mức độ tăng dân số tự nhiên dưới 1%/năm. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Cải cách thủ tục hành chính trong công tác khám, chữa bệnh BHYT, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người có thẻ BHYT trong sử dụng dịch vụ. Từng bước đưa dịch vụ khám, chữa bệnh BHYT về trạm y tế xã.

11. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở. Khai thác hiệu quả bền vững các di sản văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch sinh thái, du lịch tâm linh. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các dịch vụ về văn hóa,

thể thao, du lịch. Từng bước xây dựng Khu di tích Phố Hiến thành điểm du lịch quốc gia, kết nối với các tour, tuyến du lịch trong và ngoài nước. Phát triển phong trào thể thao quần chúng cả về bề rộng và chiều sâu; nâng cao thể thao thành tích cao, chú trọng xây dựng các môn thể thao mũi nhọn của tỉnh.

12. Cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, đảm bảo 100% hộ gia đình chính sách, người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của các hộ dân nơi cư trú. Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, kế hoạch về việc làm, đào tạo nghề và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Phấn đấu tạo việc làm cho khoảng 23 nghìn người, trong đó có 3,5 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài; tuyển sinh đào tạo nghề và chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ cho khoảng 46,5 nghìn người, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 47,5%. Cải thiện, nâng cao đời sống cho đối tượng bảo trợ xã hội, tạo điều kiện để các đối tượng vươn lên hoà nhập cộng đồng; chủ động có các biện pháp hỗ trợ, cứu trợ kịp thời đối với các đối tượng. Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội. Tiếp tục triển khai hiệu quả và đồng bộ công tác giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 giảm còn 2,2%.

13. Đẩy mạnh việc rà soát và cải cách thủ tục hành chính mà trọng tâm là rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng, đơn giản hóa nội dung hồ sơ, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tăng tính liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hưng Yên là đầu mối, tập trung tất cả bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan hành chính nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân giải quyết thủ tục hành chính theo phương thức “Công khai - minh bạch - văn minh - hiện đại”. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ. Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức. Tập trung rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các cơ quan hành chính nhà nước để xây dựng bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng. Thực hiện tốt công tác tiếp dân giải quyết khiếu nại tố cáo, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi tài sản nhà nước trong các vụ án kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện các giải pháp ngăn ngừa thất thoát tài sản nhà nước, bảo đảm quyền lợi cho người lao động trong quá trình cổ phần hóa.

14. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các sự kiện trọng đại của Đảng, Nhà nước và các ngày Lễ, Tết trong năm. Tiếp tục xây dựng các công trình trong khu vực phòng thủ, các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương... gắn với phát triển kinh tế; chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện cho 03 huyện Văn Giang, Yên Mỹ, Phù Cừ; diễn tập quốc phòng an ninh cho Sở Y tế; các huyện thành phố diễn tập chiến đấu phòng thủ cụm xã theo kế hoạch. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng biên chế đúng quy định, có chất lượng cao. Hoàn thành kế hoạch giao quân năm 2019. Đẩy mạnh và đổi mới phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, tập trung các giải pháp làm giảm tai nạn giao thông, phòng, chống cháy, nổ... góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn

xã hội. Thực hiện quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, gắn với tổ chức thi hành pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống.

15. Xây dựng, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên phần mềm một cửa điện tử và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ này. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, báo chí đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và hưởng thụ văn hoá của nhân dân. Từng bước nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đạt tiêu chuẩn công nghệ hiện đại, đảm bảo kết nối liên thông các hệ thống thông tin của tỉnh làm nền tảng xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên.

16. Phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong phản biện, giám sát theo Quyết định số 217-QĐ/TW và số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương. Đồng thời, tích cực tuyên truyền vận động cán bộ, hội viên và người dân nắm chắc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để người dân hiểu, đồng thuận và thực hiện.

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 rất nặng nề, tình hình trong nước và tỉnh ta còn nhiều khó khăn, thách thức; đòi hỏi các cấp, các ngành cần tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt thực hiện nhiệm vụ ngay từ những ngày đầu năm. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh nỗ lực phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH^P.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Ngọc Quỳnh

Phụ lục số 01

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2018
(Kèm theo Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 04/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018			Tỷ lệ (%) đạt năm 2018			Năm 2019	
				Kế hoạch giao	Kịch bản tăng trưởng	Ước thực hiện	So với kế hoạch	So với kịch bản tăng trưởng	So với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch	Kế hoạch 2019/ thực hiện 2018
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	47.160	51.027	51.404	51.706	101,33	100,59	109,64	56.015	108,3
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	5.236	-	-	5.419	-	-	103,49	5.560	102,6
b	Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	24.568	-	-	27.386	-	-	111,47	30.003	109,6
-	Trong đó: công nghiệp	Tỷ đồng	22.021	-	-	24.501	-	-	111,26	26.821	109,5
c	Thương mại, dịch vụ	Tỷ đồng	17.356	-	-	18.902	-	-	108,19	20.452	108,2
2	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) theo giá hiện hành	Tỷ đồng	58.140	-	-	64.771	-	-	111,41	71.642	110,6
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	6.404	-	-	6.851	-	-	106,98	7.262	106,0
b	Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	29.630	-	-	33.398	-	-	112,72	37.406	112,0
c	Thương mại, dịch vụ	Tỷ đồng	22.106	-	-	24.522	-	-	110,93	26.974	110,0
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	49,4	54	56	55,30	102,41	-	111,94	62	112,1
4	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn										
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	10,89	10,35	10,2	10,58	-	-	-	10,1	-
b	Công nghiệp và xây dựng	%	51,02	51,53	51,6	51,56	-	-	-	52,2	-
c	Thương mại và dịch vụ	%	38,09	38,12	38,2	37,86	-	-	-	37,7	-
5	Giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	153.171	-	-	168.635	-	-	110,10	-	-
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	11.810	12.105	12.164	12.223	100,97	100,48	103,50	12.541	102,6
b	Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	116.910	-	-	129.958	-	-	111,16	142.377	109,6
-	Trong đó: công nghiệp:	Tỷ đồng	108.044	117.500	118.632	119.853	102,00	101,03	110,93	131.203	109,5
c	Thương mại, dịch vụ	Tỷ đồng	24.451	26.652	26.664	26.454	99,26	99,21	108,19	28.623	108,2
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	27.782	29.000	30.899	31.010	106,93	100,36	111,62	34.300	110,6
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	28.401	-	34.510	31.547	-	91,41	111,08	35.333	112,0
8	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3.680	4.200	4.290	4.250	101,19	99,07	115,49	4.760	112,0
9	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	4.463	-	-	4.650	-	-	104,19	-	-
10	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	12.015	12.005	13.000	12.840	106,96	98,77	106,87	12.865	100,2
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	8.639	8.565	9.300	9.400	109,75	101,08	108,81	9.565	101,8
-	Thuế xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	3.376	3.440	3.700	3.440	100,00	92,97	101,90	3.300	95,9
11	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.400	9.615	-	9.623	100,08	-	114,56	9.269	96,3
-	Trong đó:										
-	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	2.315	3.548	-	3.121	87,97	-	134,82	2.511	80,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018			Tỷ lệ (%) đạt năm 2018			Năm 2019	
				Kế hoạch giao	Kịch bản tăng trưởng	Ước thực hiện	So với kế hoạch	So với kịch bản tăng trưởng	So với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch	Kế hoạch 2019/ thực hiện 2018
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	6.085	6.067		6.215	102,44		102,14	6.204	99,8
12	Thu hút đầu tư										
-	Số dự án đầu tư mới	Dự án	255	-	-	157	-	-	61,57	170	108,3
-	Số vốn đăng ký	Triệu USD	1.196	-	-	834	-	-	69,73	872	104,5
13	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp	1.313	-	-	1.200	-	-	91,39	-	-
14	Tiêu chí nông thôn mới bình quân toàn tỉnh	tiêu chí/xã	17,7	18,1	18,1	18,4	-	-	-	18,8	-
15	Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch	%	65,0	75	-	75,0	-	-	-	80	-
16	Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch	%	70,2	75	-	75,0	-	-	-	80	-
17	Tỷ lệ đô thị hóa	%	26,18	32,5	-	34,2	-	-	-	38	-
18	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	1000 việc làm	22,4	22,5	22,5	23,9	106,2	106,2	106,7	23	96,2
19	Số học viên được tuyển sinh, dạy nghề	Học viên	48.928	45.200	-	53.497	118,4	-	109,3	46.500	86,9
20	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	58	60	60	60	-	-	-	62	62,0
21	Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn	%	3,5	2,8	2,8	2,75	-	-	-	2,2	-
22	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (chuẩn mới)	%	98	93	99	99,0	-	-	-	100,00	-
23	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	giường	27,3	28	-	27,3	98	-	100,0	29,0	106,2
24	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	11,8	11,6	-	11,6	-	-	-	11,4	-
25	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	83,84	86,5	86,5	86,50	-	-	-	88,20	-
26	Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	27	37	-	37	100	-	137,0	46,00	124,3
27	Tỷ lệ làng, khu phố văn hóa	%	87	88	88	88	-	-	-	88,5	-
28	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	90	91	91	91	-	-	-	91,5	-

Phụ lục số 02

**Kết quả các chỉ tiêu kinh tế-xã hội 3 năm (2016-2018) thực hiện Nghị quyết
Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh**

(Kèm theo Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Ước năm 2018	Bình quân 2016- 2018	Chỉ tiêu Đại hội XVII
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Về tốc độ tăng trưởng GRDP							
	- Giá trị tăng trưởng	Tỷ đồng	40.289	43.448	47.161	51.706		
	- Tốc độ tăng trưởng	%	7,84	8,08	8,45	9,64	8,72	7,5-8
2	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất							
2.1	Nông nghiệp - thủy sản							
	- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	11.295	11.603	11.810	12.223		
	- Tốc độ tăng trưởng	%	2,6	2,73	1,78	3,50	2,67	2,5-3
	- Giá trị bình quân thu được trên ha canh tác	Triệu đồng	150	162,50	173,5	192		210
2.2	Công nghiệp - xây dựng							
	Giá trị sản xuất Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	97.800	106.651	116.911	129.958		
	Tốc độ tăng trưởng	%	8,79	9,05	9,62	11,16	9,94	
	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	8,79	9,05	9,54	10,93	9,84	9-10
2.3	Thương mại - dịch vụ							
	- Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	20.778	22.490	24.451	26.454		
	- Tốc độ tăng trưởng	%	9,47	8,24	8,72	8,19	8,38	8,5-9,5
3	Kim ngạch xuất khẩu							
	- Giá trị	Triệu USD	2.518	3.199	3.680	4.250		5.000
	- Tăng so với cùng kỳ	%	27	27,03	15,05	15,49	19,19	16
4	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)	Triệu đồng	40,4	45	49,3	55,3		75
5	Cơ cấu GRDP							
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	13,0	12,43	10,93	10,58		8
	- Công nghiệp và xây dựng	%	49,0	50,17	51,01	51,56		55
	- Dịch vụ	%	38,0	37,40	38,06	37,86		37
6	Thu ngân sách	Tỷ đồng	8.267	9.475	12.015	12.840		13.000
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	5.748	6.704	8.639	9.400		9.000
	- Thu thuế xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	2.519	2.771	3.376	3.440		4.000
7	Thu hút đầu tư, phát triển DN							
	- Số dự án đầu tư mới	Dự án	113	194	255	157		
	- Số vốn đăng ký mới	Triệu USD	715,7	901	1.196	834		
	- Số DN đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp	698	914	1.313	1.200		
	- Tổng vốn đầu tư huy động	Tỷ đồng	25.328	28.200	28.401	31.547		150.000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Ước năm 2018	Bình quân 2016-	Chỉ tiêu Đại hội XVII
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%	23,0	23,15	26,18	34,2		Đến năm 2020 đạt 40,5
9	Số xã, huyện đạt chuẩn NTM							Đến năm 2020 đạt 70
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM	%	22,0	30,3	60,0	73,8		70
	- Số huyện đạt chuẩn NTM	Huyện	-	-	-	1		2-3
10	Các chỉ tiêu văn hóa xã							
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	6,8	4,65	3,41	2,75		Dưới 2%
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	<1	< 1	< 1	<1	< 1	< 1
	- Số lao động được giải quyết việc làm mỗi năm	Người	20.400	21.800	22.150	23.900		Trên 20.000
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	54	56	58	60		Đến năm 2020 đạt 65
	- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	Xã, phường, thị trấn	70,8	88,82	98,14	99		đến năm 2020 đạt 100
	- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	71,6	76,20	80,40	86,50		Đến năm 2020 trên 90
	- Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh	23,6	23,90	27,30	27,30		28,00
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	6,7	6,50	6,70	6,80		9,00
	- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	70,0	80,3	85,0	90,0		Đến năm 2020 đạt trên 90
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, gia đình văn hóa	%	89,0	89	90	91		90
	- Tỷ lệ làng, khu phố đạt danh hiệu văn hóa	%	86,0	86	87	88		87